

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**  
To: State Securities Commission of Vietnam

1	<b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b> Management Fund Company name:	<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư MB/</b> MB Capital Management Joint Stock Company
2	<b>Tên Ngân hàng giám sát:</b> Supervisory bank:	<b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành</b> Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch
3	<b>Tên Quỹ:</b> Fund name:	<b>Quỹ đầu tư Trái phiếu MB /</b> MB Bond Fund
5	<b>Kỳ báo cáo</b> (Reporting period)	<b>11/02/2025</b> February 11, 2025
6	<b>Ngày lập báo cáo</b> (Reporting date)	<b>12/02/2025</b> February 12, 2025

**I. Đối với quỹ định giá hàng ngày/ For fund with daily Valuation**

*Đơn vị tính: VND*  
*Unit: VND*

STT No.	CHỈ TIÊU Criteria	Kỳ báo cáo này This period 11/02/2025	Kỳ báo cáo trước Last period 10/02/2025
1	<b>Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value (NAV)</b>		
1.1	<i>của quỹ/ per Fund</i>	248,744,027,015	248,622,278,360
1.2	<i>của một lô chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of ETF Fund Certificate</i>		
1.3	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	15,336	15,333
2	<b>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)/ Foreign Investors' Ownership Ratio</b>		
2.1	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates</i>	1,097.60	1,097.60
2.2	<i>Tổng giá trị/ Total value</i>	16,832,794	16,829,501
2.3	<i>Tỷ lệ sở hữu/ Ownership Ratio</i>	0.01%	0.01%

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ**  
*Authorised Representative of Fund Management Company*

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành  
Lê Thị Thủy  
Giám đốc PGD&DV Chứng Khoán

Công Ty CP Quản Lý Quỹ Đầu tư MB